

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/08/2016 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; Số 16/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 3008/CV ngày 30/8/2022 của Công ty Cổ phần Bất động sản Việt – Nhật về việc bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại dịch vụ tại Phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý (Trung tâm thương mại Go! Phủ Lý);

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật, địa chỉ văn phòng tại Số 222 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại dịch vụ tại phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý (Trung tâm thương mại Go! Phủ Lý) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại dịch vụ tại phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý (Trung tâm thương mại Go! Phủ Lý).

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty công ty Cổ phần số: 0102853832, Đăng ký lần đầu ngày 18/08/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 17/06/2022. Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0102853832

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dự án đầu tư Trung tâm thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư.

- Tổng diện tích của dự án khoảng: 14.237 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô phục vụ khách dự kiến 2.814 người, thiết kế Trung tâm thương mại 02 tầng nổi và 01 tầng lửng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bất động sản Việt - Nhật có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải phát sinh để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày /9/2022 đến ngày /9/2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND thành phố Phù Lý;
- Công ty Cổ phần BĐS Việt - Nhật (để thực hiện);
- TT CNTT TN&MT (đăng web);
- Lưu: VT, MT, HS.

Nguyễn Văn Hào

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, khách hàng đến mua sắm.
- Nguồn số 02: nước rửa từ bồn, chậu rửa tại các nhà hàng của Trung tâm thương mại.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom thoát nước thải của thành phố Phủ Lý, khu vực phường Lam Hạ.

2.2. Vị trí xả nước thải.

- Nước thải sau xử lý được xả thải vào hệ thống thu gom thoát nước thải của thành phố Phủ Lý, khu vực phường Lam Hạ.

- Tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ X= 2273416.32; Y=596609.27.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 180m³/ngày đêm (24 giờ), trong đó:

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên, khách hàng ra vào Trung tâm thương mại.

- Nguồn số 02: nước rửa từ bồn, chậu rửa tại các nhà hàng của Trung tâm thương mại.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5-9
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	500
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0
6	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10

9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat (PO_4^{3-})	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải.

- Nước thải từ bể tự hoại (nước đen); Nước thải từ chậu rửa (nước xám) được dẫn theo đường ống về bể gom của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải.

Quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải => Bể gom, điều hòa => Bể thiếu khí => Bể hiếu khí => Bể lắng sinh học => Bể khử trùng => Bồn lọc áp lực => Hồ ga quan trắc => Hệ thống thoát nước thải thành phố Phủ Lý.

- Công suất thiết kế: $180\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: PAC 30% (*chất trợ lắng*), cơ chất Metanol để cung cấp dinh dưỡng cho vi sinh, men vi sinh, NaClO 10% để khử trùng.

- Nước thải sau hệ thống xử lý đạt cột A QCVN 14:2008 được xả thải vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Phủ Lý theo văn bản số 1202/UBND-QLĐT ngày 03/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Phủ Lý về việc thỏa thuận vị trí các điểm đầu nối thoát nước thuộc Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại dịch vụ tại phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý (Trung tâm thương mại Go! Phủ Lý).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Trong thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành của công trình xử lý nước thải: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp, dự kiến trong tháng 01 năm 2024.

Vị trí quan trắc:

- Nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $180\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

Thông số quan trắc: pH, BOD₅, TSS, TDS, S²⁻, NH₄⁺, NO₃⁻, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, PO₄⁻, tổng Coliforms (*Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K=1)*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-

CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng
năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên
Khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên khoảng:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng(kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, hóa chất, giẻ lau dính mực in	180201	72
2	Mực in thải	080201	06
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	20
4	Pin, ắc quy thải	160112	15
5	Bao bì bằng nhựa dính thành phần nguy hại	180103	300
Tổng cộng			413

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Nguồn phát sinh	Định mức	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải của CBCNV	0,4 kg/người/ngày	240
2	Rác thải tại khu vực nhà hàng	0,5 kg/người/ngày	437,5
3	Rác thải từ khu siêu thị	0,1 kg/người/ngày	103,8
4	Rác thải là lá cây rụng, bụi đất		10
Tổng cộng			761,3

1.3 Khối lượng chất thải sản xuất phát sinh:

- Chất thải từ hoạt động kinh doanh dịch vụ chủ yếu từ các loại mặt hàng do hết hạn sử dụng phát sinh khoảng 115 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ hệ thống xử lý nước thải 180 m³/ngày.đêm.

STT	Nguồn phát sinh	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	14.025
2	Than hoạt tính thải	700

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: tại các thùng, can.

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại.

+ Diện tích kho: 05 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: được bố trí kho riêng biệt tại tầng 1 của Trung tâm thương mại, tách biệt với khu chứa chất thải sinh hoạt, được đặt biển cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải sản xuất

+ Diện tích kho: 38 m². Trong đó kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 26m²; kho chứa chất thải sản xuất có diện tích 12m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Được bố trí kho riêng biệt tại tầng 1 của Trung tâm thương mại. Kho được bố trí cạnh kho chứa chất thải nguy hại, có biển bên ngoài cửa kho chứa.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, trượt lở, sụt lún công trình thủy lợi và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 3
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng
năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn;

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.